TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **75**/2022/QĐST-HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 06 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bùi Thị H, sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi cư trú: Xóm HLĐ, xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1983.

Địa chỉ nơi cư trú: Xóm HLĐ, xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1957.

Địa chỉ nơi cư trú: Xóm HLĐ, xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền : Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1983.

Địa chỉ nơi cư trú: Xóm HLĐ, xã DH, huyện DC, tỉnh Nghệ An

2.Ông Lê Văn Trường, sinh năm1972.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn PĐ, xã QĐ, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Bùi Văn Hạnh, sinh năm 1996.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn BV thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

4. Ông Bùi Văn Châu, sinh năm 1969

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn BV, thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Trường, ông Châu, Ông Hạnh theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2022. Bà Phạm Thị Liên, sinh năm 1970.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn BV, thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

5.Bà Phạm Thị Liên, sinh năm 1970.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn BV, thị trấn TP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ tình cảm: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức N thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức N thống nhất: Giao con chung Nguyễn Thị Minh Hằng sinh ngày 04/04/2011 và Nguyễn Đức Hoàng sinh ngày 14/11/2016 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Bùi Thị H cho đến khi anh N có yêu cầu.

Chị Bùi Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh Nguyễn Đức N có nghĩa vụ trả nợ cho ông Lê Văn Trường 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), trả nợ cho anh Bùi Văn Hạnh 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Ông Lê Văn Trường được nhận khoản tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) từ anh Nguyễn Đức N trả, anh Bùi Văn Hạnh được nhận khoản tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) từ anh N trả.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đức N thống nhất thỏa thuận chị H chịu nộp tiền án phí 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) thuận tình ly hôn. Trả lại cho chị H 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai số 0001559 ngày 15 tháng 02 năm 2022 và trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí yêu cầu giải quyết chia tài sản là 8.425.000 đồng (Tám triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng) theo biên lai số số 0001560 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của chi cục thi hành án dân sự huyện DC. Anh N phải nộp 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng)tiền án phí trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện DC;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện DC;*
- *UBND xã DH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Đình Lâm